TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 41/2026/QĐST-HNGĐ	

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 27/2026/TLST-HNGĐ ngày 19-01-2026 về việc *"yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Phạm Văn C, sinh năm 1977; địa chỉ: tổ 10C, khu H 4A, phường B, tỉnh Quảng Ninh.

2. Chị Phạm Thị Ng, sinh năm 1980; địa chỉ: tổ 10C, khu H 4A, phường B, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn C và chị Phạm Thị Ng tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường B, tỉnh Quảng Ninh) vào ngày 30-7-2013, nên hôn nhân của anh C và chị Ng là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh C và chị Ng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Anh C và chị Ng vẫn sống chung nhà nhưng đã ly thân về mặt tình cảm từ tháng 11-2022 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh C và chị Ng đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được nên cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh, chị. Xét thấy, việc anh C và chị Ng thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh C và chị Ng có 01 con chung là Phạm Tuấn A, sinh ngày 10-6-2013; hiện nay cháu Tuấn Anh có sức khỏe bình thường. Ly hôn, anh C

và chị Ng thỏa thuận giao con chung là Phạm Tuấn A cho chị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên; anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000 đồng *(hai triệu năm trăm nghìn đồng)*/01 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02-2026 cho đến khi con chung thành niên. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Xét thấy, thỏa thuận trên giữa anh C và chị Ng là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các khoản 1,2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh C và chị Ng thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Xét thấy, các thỏa thuận trên giữa anh C và chị Ng là tự nguyện, phù hợp với quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh C và chị Ng thỏa thuận chị Ng có nghĩa vụ nộp toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 *(bảy)* ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 22-01-2026), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn C và chị Phạm Thị Ng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao con chung là Phạm Tuấn A, sinh ngày 10-6-2013 cho chị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Tuấn A là 2.500.000 đồng *(hai triệu năm trăm nghìn đồng)*/01 tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 02-2026 cho đến khi con chung thành niên. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh C và chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Anh C và chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Ng có nghĩa vụ nộp toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm chị Ng đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000279 ngày 19-01-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh; chị Ng đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- VKSND khu vực 1-Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường B, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga